

# SỰ CÁCH TÂN TƯ TƯỞNG CỦA KẺ SĨ NHO HỌC THANH HÓA TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Vũ Ngọc Định<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

*Hưởng ứng chiếu Cần vương chống thực dân Pháp của vua Hàm Nghi, sau 10 năm đấu tranh vũ trang (1885 - 1895)<sup>2</sup>, những cuộc khởi nghĩa Cần vương do kẻ sĩ xuất thân khoa bảng lãnh đạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đều lần lượt thất bại. Tuy nhiên, khi nhìn nhận lại các cuộc khởi nghĩa này, đây rõ ràng là sự khởi nguồn cho hệ tư tưởng mang tính duy tân thời đại. Đó là tư tưởng ái quốc; tính nhân dân - đồng chí; sự hy sinh vì dân tộc, vì đất nước; chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang,... Đây là sự cách tân và chuyển biến lớn trong hệ tư tưởng và hành động của kẻ sĩ Nho học yêu nước đương thời.*

**Từ khóa:** Thanh Hóa, Cần vương, kẻ sĩ Nho học, tư tưởng kẻ sĩ.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu, tìm hiểu về các cuộc đấu tranh trong phong trào Cần vương chống thực dân Pháp trên đất Thanh Hóa nói riêng, ở Bắc bộ và Trung kỳ nói chung, từ trước đến nay đã có nhiều công trình khảo cứu về vấn đề này. Tiêu biểu như: *Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Thanh Hóa, từ năm 1885 - 1895* của TS. Vũ Quý Thu; *Văn quan - võ tướng xứ Thanh* của tác giả Trần Văn Thịnh; *Tuyển tập thơ danh nhân Thanh Hóa* của tác giả Lê Văn Thịnh; *Hồi ký phong trào dân biến ở Trung Kỳ (đầu thế kỷ XX)* của tác giả Phan Chu Trinh. Các tác phẩm này tập trung khai thác diễn biến của các cuộc đấu tranh, khí chất anh hùng, nhiệt huyết yêu nước, sẵn sàng hy sinh của kẻ sĩ Nho học,... Nhưng chưa có nghiên cứu nào tập trung đề cập đến sự cách tân, duy tân trong hệ tư tưởng của họ. Bài viết này, thông qua các cuộc đấu tranh, hành động và diễn biến tư tưởng của những người đứng đầu phong trào Cần vương để làm sáng tỏ: Sự cách tân về mặt tư tưởng của kẻ sĩ Nho học trong đấu tranh giải phóng dân tộc giai đoạn cuối thế kỷ XIX; qua đó, bước đầu so sánh với tư tưởng của kẻ sĩ Nho học truyền thống.

Trong phạm vi nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu chính của bài viết là những kẻ sĩ người Thanh Hóa có xuất thân khoa bảng, tức là những người đã đỗ đạt khoa cử do triều đình phong kiến nhà Nguyễn tổ chức. Sau khi ra làm quan cho triều đình, trước sự xâm lược của thực dân Pháp, họ trở về quê hương Thanh Hóa, tổ chức và lãnh đạo nghĩa quân tham gia phong trào Cần vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng.

<sup>1</sup> Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: vungocding@hdu.edu.vn

<sup>2</sup> Mốc thời gian này chỉ tính riêng cho phong trào Cần vương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Tức là tính từ tháng 7/1885, thời điểm vua Hàm Nghi ra chiếu Cần vương lần thứ 1, cho đến thất bại của khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Cầm Bá Thước tháng 5/1895.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết “Về sự cách tân tư tưởng của kẻ sĩ Nho học Thanh Hóa trong phong trào Cần vương chống thực dân Pháp” sử dụng những phương pháp nghiên cứu chính sau đây:

Phương pháp lịch sử là phương pháp chính dùng trong bài viết để trình bày về bối cảnh lịch sử - xã hội, lịch sử nhân vật, diễn biến các cuộc đấu tranh và các sự kiện lịch sử liên quan.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành được sử dụng như một hệ thống, bao quát nhiều khía cạnh trong bài viết: Tư tưởng nhân vật, tư tưởng xã hội, quan điểm tôn phái, tư tưởng quân sự, tư tưởng văn hóa - đạo đức... trong mỗi khía cạnh đều có chứa đựng nội dung nghiên cứu. Vì thế, cần thiết phải áp dụng các phương pháp liên ngành để nghiên cứu về sự biến đổi, sự cách tân trong hệ tư tưởng của kẻ sĩ Nho học Thanh Hóa.

Phương pháp phân tích và so sánh, khi nghiên cứu đề tài, bên cạnh việc đảm bảo tính khoa học, thì phương pháp nghiên cứu này giúp đánh giá đúng đắn sự biến đổi tư tưởng của nhân vật. Từ đó đưa ra những nhận định khách quan, khoa học.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Bối cảnh lịch sử và chân dung lãnh tụ tiêu biểu

#### 3.1.1. Bối cảnh lịch sử

Kể từ Hiệp ước năm Nhâm Tuất (1862) đến Hiệp ước Patonôt (1884), từ đây nhà Nguyễn chính thức chấp nhận sự bảo hộ của thực dân Pháp. Tuy nhiên, phe chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn, đứng đầu là Phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết đã thực hiện kế hoạch đánh phủ đầu cơ quan đầu não của thực dân Pháp tại Huế là đồn Mang Cá và Đại sứ quán Pháp. Sau khi kế hoạch thất bại, đêm mùng 4 rạng sáng mùng 5 tháng 7, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi dời kinh đô Huế chạy ra Sơn phòng Tân Sở, tỉnh Quảng Trị<sup>3</sup>, tại đây vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương lần thứ nhất. Ở căn cứ Tân Sở một thời gian, Tôn Thất Thuyết lại đưa vua Hàm Nghi đến Sơn phòng Ấu Sơn huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh<sup>4</sup>. Đến ngày 20 tháng 9 năm 1885, vua Hàm Nghi lại xuống chiếu Cần vương lần thứ hai. Hưởng ứng chiếu Cần vương, nhiều nhà Nho xuất thân khoa bảng tại các tỉnh Trung Kỳ và Bắc Kỳ đã nhận thức “quốc gia nguy nan, thất phu hữu trách”, họ đứng ra tổ chức và lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa Cần vương chống thực dân Pháp.

Sau khi thực dân Pháp chiếm Nghệ An và Ninh Bình nhằm mục đích cô lập Thanh Hóa, người Pháp vẫn ngần ngại đưa quân vào vùng đất này, vì tình báo của thực dân Pháp cho biết Thanh Hóa đã có sự chuẩn bị chu đáo cho cuộc chiến đấu lâu dài<sup>5</sup>. Nhân dân Thanh Hóa với truyền thống yêu nước và ý thức cảnh giác cao, đã có những chuẩn bị về lực lượng

<sup>3</sup> Nay thuộc xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

<sup>4</sup> Nay thuộc xã Phú Gia, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

<sup>5</sup> Năm 1879, Tôn Thất Thuyết mượn cơ về Thanh Hóa dưỡng bệnh, tại đây ông đã bổ nhiệm Tiến sĩ Tống Duy Tân (lúc bấy giờ đang giữ chức Đốc học tỉnh Thanh Hóa) giữ chức Chánh sứ Sơn phòng để lo liệu việc tuyển quân, tích trữ lương thảo. Sau lại phái Tá quân Đô thống Trần Xuân Soạn về để cùng chỉ huy phong trào Cần vương. Cũng nhân cơ hội này, Tôn Thất Thuyết đã liên hệ với Cầm Bá Thước - Thủ lĩnh người dân tộc Thái để bàn về việc xây dựng căn cứ kháng chiến ở miền núi Thanh Hóa.

từ rất sớm. Mạng lưới chống Pháp đã được thiết lập ở cả 4 vùng: đồng bằng, miền biển, trung du và miền núi, tạo nên sự liên kết trong toàn tỉnh. Vùng đồng bằng và trung du là nơi có phong trào phát triển sớm và mạnh hơn cả, từ căn cứ khởi nghĩa của Lãnh Toại, Lãnh Phi, Tấn Tháo, Phạm Bành, Hoàng Bất Đạt, Nguyễn Đôn Tiết,... cho đến các căn cứ ở tả ngạn sông Mã và địa bàn giáp ranh miền núi của Tống Duy Tân, Cao Điền; ở miền núi có nghĩa quân của Hà Văn Mao, Hà Văn Nho, Cầm Bá Thước; miền biển phía Nam có nghĩa quân của Nguyễn Phương, Đỗ Đức Mậu, Nguyễn Ngọc Lương,... Các cuộc khởi nghĩa ban đầu là những phong trào tự phát đơn lẻ, dần dần hợp nhất trở thành tổ chức chặt chẽ, mà đỉnh cao là căn cứ Ôn Lâm - Kỳ Thượng<sup>6</sup>, Ba Đình (huyện Nga Sơn), Hùng Lĩnh (huyện Vĩnh Lộc),... đây là điều kiện quan trọng để nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến đấu với kẻ xâm lược.

### 3.1.2. Chân dung lãnh tụ tiêu biểu

*Tống Duy Tân* (1837 - 1892), người xã Vĩnh Tân<sup>7</sup>, huyện Vĩnh Lộc, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi năm Ất Hợi, đời vua Tự Đức thứ 27 (1875). Biết ông là người có lòng yêu nước, năm 1879 Tôn Thất Thuyết đã đặc cách cử ông làm Đốc học tỉnh Thanh Hóa, rồi thăng chức Thương biện Tỉnh vụ và Chánh sứ Sơn phòng. Trong thời kỳ làm quan ở tỉnh nhà, Tống Duy Tân đã dốc sức chuẩn bị cho việc ngăn hiểm họa xâm lược của thực dân Pháp. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần vương chống thực dân Pháp của vua Hàm Nghi, ông đã nhanh chóng xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ. Dưới sự lãnh đạo của Tống Duy Tân, căn cứ Hùng Lĩnh trở thành một trong những trung tâm chỉ huy của phong trào Cần vương chống thực dân Pháp ở Thanh Hóa.

*Phạm Bành* (1827 - 1887), quê ở làng Trương Xá, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc. Ông đỗ Cử nhân khoa thi năm Giáp Tý (1864), giữ chức Án sát tỉnh Nghệ An. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, ông từ quan về quê chiêu mộ nghĩa quân khởi nghĩa. Ngày 16 tháng 1 năm Bính Tuất (1886), Phạm Bành và nghĩa quân tổ chức tế cờ tại nghề Lọc Trúc xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc. Sau đó ông lập căn cứ ở vùng rừng núi thuộc xã Kim Âu và Thạch Bằng<sup>8</sup>, tổ chức đánh giặc và mở rộng hoạt động sang các vùng lân cận, đồng thời liên kết với lực lượng của Hà Văn Mao, Nguyễn Khế, Lê Toại... để tương trợ lẫn nhau. Giữa năm 1886, sau Hội nghị Bồng Trung<sup>9</sup>, ông cùng với Hoàng Bất Đạt, Đinh Công Tráng và một số tướng lĩnh khác phụ trách xây dựng căn cứ Ba Đình. Nhằm bảo vệ cửa ngõ miền Trung và làm bàn đạp kháng Pháp ở vùng đồng bằng. Khi chiến khu Ba Đình thất thủ, ông đưa nghĩa quân rút về căn cứ Mã Cao<sup>10</sup>. Về sau, bị thực dân Pháp bức bách, để tỏ rõ khí tiết ông uống thuốc độc tự tử.

<sup>6</sup> Trung tâm căn cứ ở xã Công Bình, huyện Nông Cống. Nơi đây có địa hình phức tạp, giáp với huyện Tĩnh Gia, huyện Như Thanh và có đường tắt đi huyện Quảng Xương. Khu căn cứ trải trên một địa bàn rộng từ Ngã ba Chuông (xã Công Thái, huyện Nông Cống) đến xã Yên Thái, huyện Như Thanh.

<sup>7</sup> Nay là xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc.

<sup>8</sup> Nay thuộc xã Hà Đông, huyện Hà Trung.

<sup>9</sup> Nay thuộc xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc. Ngày mùng 4 tháng 5 năm Bính Tuất (1886), tại đình làng Bồng Trung đã diễn ra cuộc họp giữa các thủ lĩnh Cần vương do Tôn Thất Thuyết chủ trì.

<sup>10</sup> Nay thuộc xã Yên Giang, huyện Yên Định.

*Lê Trí Trực* (? - 1888), quê làng Trung Hậu, xã Hoàng Trung, huyện Hoàng Hóa, làm quan chức Tri phủ huyện Quế Dương (tỉnh Nghệ An), thăng chức Phó Sơn phòng kiêm Thương biện Thương vụ tỉnh Thanh Hóa. Sau bị triều đình cách chức vì không chịu hợp tác với thực dân Pháp, ông về quê mở trường dạy học. Hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, ông vận động, tụ họp nhân dân các làng quanh vùng như: Xã Vệ, Trung Hậu, Tự Nhiên, Trinh Hà, Nghĩa Trang (huyện Hoàng Hóa) chống lại ách cai trị của thực dân Pháp. Với kinh nghiệm từng trải trong quân đội, ông được văn thân huyện Hoàng Hóa tin nhiệm cử làm Tán tương Quân vụ huyện Hoàng Hóa. Ngày 24 tháng 5 năm 1886, ông phối hợp cùng nghĩa quân của Nguyễn Đôn Tiết tiến đánh huyện lỵ Hoàng Hóa và đồn binh Pháp nhưng thất bại, ông đem nghĩa binh rút vào rừng núi Phú Điền (huyện Hậu Lộc) để hoạt động. Nhận thấy sự lớn mạnh và nguy hiểm của nghĩa quân do ông lãnh đạo, thực dân Pháp đem quân truy lùng bắt được ông. Chiêu dụ không được, tra tấn dã man cũng không lay chuyển được khí tiết của ông, chúng đem chém ông tại Cầu Hạc<sup>11</sup>.

*Nguyễn Phương* (1832 - ?), tên đầy đủ là Nguyễn Ngọc Phương, quê làng Hương Trì<sup>12</sup>, vì thi đỗ Tú tài, nên được mọi người gọi là Tú Phương. Ông không ra làm quan mà mở trường dạy học ở quê nhà. Hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, ông đứng ra tổ chức nghĩa quân, được Tôn Thất Thuyết trao chức Tham biện Sơn hải phòng Quân vụ kiêm chức Quản phủ Tĩnh Gia. Phong trào Cần vương vùng Tĩnh Gia - Quảng Xương - Nông Cống mà trung tâm là căn cứ Ôn Lâm - Kỳ Thượng dưới sự lãnh đạo của ông đã phát triển vô cùng mạnh mẽ, thu hút được đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia, tạo thành một căn cứ vững mạnh. Ông tiếp tục liên hệ với phong trào Cần vương ở các địa phương khác tạo nên mối liên hệ, tương hỗ lẫn nhau một cách chặt chẽ. Ngày 12 tháng 3 năm 1886, lực lượng Cần vương do nghĩa quân của ông làm nòng cốt tấn công thành Thanh Hóa, sau vì lực lượng và vũ khí quá chênh lệch phải rút lui. Tháng 1 năm 1887, căn cứ Ba Đình thất thủ, các căn cứ khác như Ôn Lâm - Kỳ Thượng cũng bị đàn áp, Nguyễn Phương cùng con trai và con rể đều hy sinh.

### **3.2. Tư tưởng ái quốc mới và tính nhân dân của kẻ sĩ Nho học trong Cần vương chống thực dân Pháp**

#### *3.2.1. Từ tư tưởng trung quân truyền thống đến tư tưởng ái quốc mới*

Với xuất thân đỗ đạt khoa bảng Nho học và ra làm quan với triều đình, hệ tư tưởng Nho giáo đã thấm nhuần trong con người các nhà Nho yêu nước tỉnh Thanh Hóa. Hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi (1885), bằng cách này hay cách khác, các vị nhân sĩ Nho học đều lần lượt dời bỏ nhiệm sở trở về quê nhà xây dựng cơ sở, lực lượng để chuẩn bị khởi nghĩa. Tuy nhiên, ban đầu tất cả họ đều có quan điểm chính trị chung - đó là tư tưởng trung quân, điều này thể hiện ở việc họ đều trực tiếp hoặc gián tiếp phụng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi đánh giặc. Trong hoàn cảnh đất nước nguy nan, cái “tôi trung quân” trong con người kẻ sĩ Nho học đã dẫn đường cho hành động của họ. Sau khi được vua Hàm Nghi ban cho chức vụ phụ trách quân đội tại địa phương, họ trở về tổ chức và lãnh đạo đội quân

<sup>11</sup> Nay thuộc phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.

<sup>12</sup> Nay thuộc xã Trường Sơn, huyện Nông Cống.

khởi nghĩa do chính họ thành lập. Tại sao họ lại phải vào tận Tân Sở để phụng chiếu đánh giặc, đó là vì cái địa vị “chính danh” của Nho giáo đã ăn sâu vào quan điểm và hành động của họ. Các vị lãnh đạo Cần vương ở Thanh Hóa trong giai đoạn này trừ thủ lĩnh Tống Duy Tân, Trần Xuân Soạn, Đinh Công Tráng được triều đình bố trí của từ trước nhằm gây dựng cơ sở và lực lượng khởi nghĩa, còn lại các vị thủ lĩnh khác như Phạm Bành, Nguyễn Phương, Lê Khắc Tháo, Nguyễn Xuân, Hoàng Bất Đạt, Lê Trí Trực, Lê Ngọc Toàn,... đều từ bỏ quan trường về quê nhà tổ chức lực lượng với danh nghĩa phụng chiếu Cần vương. Như vậy, có thể thấy rằng, cho dù trong điều kiện và hoàn cảnh nào, dù là sớm hay muộn, cái tôi “trung quân”, cái tôi “chính danh” của Nho giáo trong con người họ cũng trở dậy. Dù trong hoàn cảnh nào, họ cũng không quên được cái “trung” của kẻ bề tôi, cái “tôi trung” của kẻ thần tử. Tư tưởng Nho giáo đã thúc giục và buộc họ thực hiện cái nghĩa vụ “quân - thần” của đạo lý Tam cương<sup>13</sup>. Thế nên, trong thơ kêu gọi nhân dân khởi nghĩa, Lê Ngọc Toàn đã không quên đạo vua tôi, ông viết:

*Vì vua nên xả thân  
Thân tuy già nhưng kiếm không già  
Nhớ ơn vua, cha con đồng chí  
Cùng nhau giết giặc bảo vệ giang sơn*

Trong quá trình trực tiếp đấu tranh vũ trang với kẻ thù mạnh gấp nhiều lần mình, nhìn thấy sự hy sinh của đồng chí, của nhân dân, cái “tôi trung quân” của họ dần dần bị phai nhòa, thay vào đó là cái “tôi yêu nước”. Để rồi, đến khi sức cùng lực kiệt, trước khi hy sinh dưới họng súng, lưỡi gươm của kẻ thù họ lại chỉ nghĩ về nhân dân, nghĩ về đất nước. Họ uất hận vì hoài bão và sự nghiệp giải phóng dân tộc của mình không thành. Sự hy sinh của họ là “trung quân” hay “ái quốc”? Phải thừa nhận rằng, họ là những bề tôi “trung quân”, vì hưởng ứng theo lời kêu gọi của vua mà đứng lên khởi nghĩa, khi vua Hàm Nghi - đại diện cho phe chủ chiến mất ngôi vị thì họ không còn ai để mà “trung quân”, nhưng họ vẫn quyết tâm chiến đấu vì mục tiêu giải phóng dân tộc cho đến hơi thở cuối cùng. Có thể nhận định rằng, họ là những bề tôi “trung quân” nhưng “ái quốc” mới là tinh thần xuyên suốt cuộc chiến đấu và sự hy sinh của họ.

Phong trào Cần vương bằng con đường đấu tranh vũ trang ở Thanh Hóa đều nhận kết cục thất bại, các thủ lĩnh Cần vương người hy sinh trên chiến trường, người bị giặc bắt rồi sát hại, số còn lại chấp nhận giải tán nghĩa quân để tránh thương vong. Sự thất bại của phong trào Cần vương Thanh Hóa, là sự sụp đổ của hệ tư tưởng cũ - hệ tư tưởng trung quân Nho giáo. Tuy nhiên, nó lại là khởi đầu cho hệ tư tưởng mới, hệ tư tưởng mang tính duy tân thời đại, đó là tư tưởng “ái quốc” chấp nhận hy sinh vì tổ quốc của cá nhân kẻ sĩ đương thời. Sự cách tân tư tưởng đó xuất hiện, lớn mạnh dần lên trong sự thay đổi của thời cuộc và trong sự thay đổi hình thức đấu tranh, từ đấu tranh tư tưởng sang đấu tranh vũ trang. Đây là sự thay đổi lớn trong hệ tư tưởng của kẻ sĩ Nho học đương thời giai đoạn cuối thế kỷ XIX [8, tr.487,488].

<sup>13</sup>Tam Cương gồm: Quân thần cương: bốn phận của kẻ thần tử đối với đạo vua tôi. Phụ tử cương: bốn phận đối với đạo cha con. Phu thê cương: bốn phận đối với đạo vợ chồng.

### 3.2.2. Tính nhân dân trong phong trào Cần vương

Trên cơ sở các phong trào, các cuộc nổi dậy nhỏ lẻ chống thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, các sĩ phu, văn thân, kẻ sĩ xuất thân khoa bảng đã tiến lên xây dựng những căn cứ kháng chiến có quy mô lớn như: Ôn Lâm - Kỳ Thượng, Ba Đình, Mã Cao, Hùng Lĩnh... cho đến các căn cứ khởi nghĩa ở miền Tây Thanh Hóa do Hà Văn Mao, Hà Văn Nho, Cầm Bá Thước lãnh đạo. Các vị lãnh tụ trong phong trào Cần vương đã biết phát huy tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân, đoàn kết các dân tộc, tộc người để mở rộng quy mô, địa bàn kháng chiến [8; tr.488,489].

Như trường hợp cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Phương ở huyện Nông Cống, lực lượng tham gia lúc đông nhất là khoảng 400 người [5; tr.63], đa phần họ đều là tráng đinh trong huyện. Ban đầu đây là lực lượng tự phát được thành lập tại làng xã, nhưng rồi dần dần được liên kết lại với nhau thành một lực lượng thống nhất, dưới sự chỉ huy của một "Bộ chỉ huy". Khi căn cứ Ôn Lâm - Kỳ Thượng được thành lập, dựa vào địa thế hiểm trở, nghĩa quân đã cùng với nhân dân các huyện phía Nam tỉnh Thanh Hóa xây dựng công sự, thành lũy, tích trữ lương thảo, rèn đúc vũ khí. Phiên chế của đội quân ban đầu được chia thành các trại, sau được phiên chế theo quân đội như triều đình thành các cơ, đội.

Đặc điểm của các phong trào Cần vương ở Thanh Hóa trong giai đoạn này là dựa vào địa hình làng xã để xây dựng địa bàn kháng chiến, xây dựng làng chiến đấu. Cho nên lực lượng nghĩa quân tham gia chủ yếu quần chúng nhân dân trong vùng, lương thực, thực phẩm được cung cấp tại chỗ. Các cuộc khởi nghĩa đều nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân tại địa bàn nghĩa mà quân đóng quân. Xuất phát từ sự ủng hộ, che chở của nhân dân, các cuộc khởi nghĩa mới duy trì được hoạt động, kể cả khi khởi nghĩa thất bại phải di chuyển đến địa phương khác. Đi đến đâu, nghĩa quân cũng nhận được sự ủng hộ của nhân dân về vật chất và tinh thần. Quan trọng hơn hết, nghĩa quân liên tục được bổ sung lực lượng là những quần chúng nhân dân yêu nước. So với các giai đoạn trước đây, hình thức làng xã chiến đấu, làng xã là căn cứ chiến đấu đã có những bước phát triển mới, tạo thành "liên căn cứ kháng chiến", "liên làng chiến đấu". Tại các "liên căn cứ" nghĩa quân vừa sản xuất vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng.

Đối với nhân dân, lực lượng nghĩa quân không phải là người xa lạ, họ là anh em, họ hàng, làng xóm, xa hơn là cùng hàng tổng, hàng huyện với nhau. Nhân dân với lãnh tụ Cần vương đều chung một mục đích là chiến đấu chống thực dân Pháp, vì tự do dân tộc. Quá trình chiến đấu can trường, bền bỉ, chấp nhận hy sinh của nhân dân Thanh Hóa trong phong trào Cần vương đã thể hiện sức mạnh, ý chí và tinh thần yêu nước của nghĩa quân và quần chúng nhân dân. Lấy nhân dân làm nòng cốt, làm cơ bản để phát triển lực lượng và địa bàn hoạt động, đây chính là tiền đề, là khởi đầu cho chiến tranh nhân dân mà dân tộc ta đã vận dụng thành công trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ sau này.

Nhận xét về phong trào Cần Vương, TS. Nina S.Adams đã viết: "*Mọi người Việt Nam đã được kêu gọi tham gia phong trào, và lời hiệu triệu đã liệt kê các tầng lớp người bán thịt, bán cá, những sĩ phu, học giả, những quan chức đang thực thi phận sự cũng như chưa được bổ nhiệm, con em các gia đình công chức, những sĩ tử,...*" [5; tr.5].

Tóm lại, tính nhân dân trong phong trào Cần vương ở Thanh Hóa được thể hiện ở bốn đặc điểm cơ bản sau:

Tính chất nhân dân của phong trào Cần vương chống thực dân Pháp được thể hiện trong mục tiêu và đường lối kháng chiến, đó là giải phóng dân tộc.

Thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, trong đó lực lượng chính của nghĩa quân là trí thức và nông dân yêu nước.

Mỗi xóm làng là một cơ sở của nghĩa quân, là nơi vừa sản xuất vừa chiến đấu và cũng là nơi bổ sung lực lượng.

Phương thức tác chiến là chiến tranh du kích, linh hoạt, cơ động, nhỏ lẻ trên một địa bàn rộng. Vũ khí chiến đấu thô sơ, sẵn có, đó là giáo mác, nông cụ và dụng cụ trong sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt hàng ngày.

### **3.3. Quan điểm đấu tranh và sự hy sinh của kẻ sĩ Nho học đương thời**

#### *3.3.1. Quan điểm đấu tranh giải phóng dân tộc*

Từ thực tế đấu tranh với thực dân Pháp trong giai đoạn cuối thế kỷ XIX của kẻ sĩ xuất thân khoa bảng Nho học Thanh Hóa, có thể chia nhóm đấu tranh này thành hai hệ quan điểm:

*Thứ nhất*, bằng con đường đấu tranh chính trị. Đó là những người lựa chọn con đường đấu tranh theo phong trào Đông Du, Tân Việt hoặc hưởng ứng lời kêu gọi của các sĩ phu Trung Kỳ đấu tranh chống đi phu, đi lính, chống sưu thuế, chống bắt bớ, biểu tình phản đối chính sách của thực dân,... Như trường hợp các nhà trí sĩ yêu nước Nguyễn Đan Quế, Lê Mạnh Trinh (tham gia hội Tân Việt); Nguyễn Đôn Dự, Lê Xuân Mai (tham gia phong trào Đông Du); Nguyễn Soạn, Nguyễn Lợi Thiệp, Nguyễn Xứng, Lê Trọng Nhĩ (đấu tranh chống sưu thuế, đi phu, phản đối chính sách thực dân tại địa phương).

*Thứ hai*, bằng con đường đấu tranh vũ trang. Điểm nhấn mới và quan trọng nhất trong phong trào Cần vương ở Thanh Hóa là nghĩa quân đã biết phát huy tinh thần yêu nước của đông đảo tầng lớp nhân dân, đoàn kết các dân tộc anh em từ miền biển đến miền núi, lợi dụng địa hình địa mạo của vùng rừng núi để duy trì và mở rộng kháng chiến. Ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, các thủ lĩnh của phong trào Cần vương tại Hội nghị Bồng Trung (5/4/1886) đã xác định, chỉ có đấu tranh vũ trang, chỉ có sự ủng hộ của nhân dân và sự đoàn kết giữa các lực lượng mới có thể thắng được thực dân Pháp.

Công tác dân vận, vận động quần chúng nhân dân cũng là quan điểm mới khi thực hiện kế hoạch chuẩn bị trước và trong khởi nghĩa. Kể từ Ôn Lâm - Kỳ Thượng đến Ba Đình, Hùng Lĩnh và tiếp sau là khởi nghĩa của nhân dân các huyện miền núi phía Tây Thanh Hóa, mặc dù chịu sự khủng bố vô cùng gắt gao, tàn bạo của thực dân Pháp, nhưng nhân dân các dân tộc Thanh Hóa vẫn hết lòng ủng hộ nghĩa quân. Tất cả đều có chung một mục tiêu là đấu tranh với kẻ thù để giải phóng dân tộc. Đây là một trong những yếu tố căn bản để duy trì, phát triển khởi nghĩa lâu dài, liên tục và sâu rộng. Một điều dễ nhận thấy trong cuộc phong trào Cần vương ở Thanh Hóa là xuyên suốt những cuộc tập kích, chủ động tấn công, đối đầu và đánh trả giữa quân ta và thực dân Pháp, chúng ta đều sử dụng phương thức đấu tranh vũ trang. Trong những cuộc chiến đấu đó, nghĩa quân với vũ khí thô sơ đã đối đầu công khai, trực diện với vũ khí tối tân, hiện đại của thực dân Pháp như đại bác, súng phun lửa,... Cũng do sự chênh lệch này, kết cục của các cuộc chiến đấu là sự thất bại và thương vong thuộc về nghĩa quân.

Trong phong trào Cần vương, tính dân tộc đã vượt lên cái tôi cá nhân, các vị thủ lĩnh phong trào Cần vương vốn xuất thân từ tầng lớp quan lại đương chức nhà Nguyễn, nếu cộng tác với thực dân Pháp họ sẽ có địa vị xã hội, có cuộc sống giàu sang. Nhưng bỏ qua tất cả, họ không cam chịu và thỏa hiệp, rời bỏ nhiệm sở trở về quê nhà, xây dựng lực lượng chống thực dân Pháp. Vì sao họ lại hành động như vậy? Nếu như không phải vì lòng yêu nước, không phải vì độc lập dân tộc.

Nhìn lại khởi nghĩa Cần vương tại Thanh Hóa, có thể nhận thấy nhiều quan điểm đấu tranh mới của kẻ sĩ Nho học đương thời. Đó là, đấu tranh vũ trang thay thế cho đấu tranh chính trị; công tác dân vận trong chiến tranh nhân dân; tranh thủ sự ủng hộ và tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân; tính dân tộc và mục tiêu giải phóng dân tộc là mục đích cuối cùng; cái tôi cá nhân, cái “tôi trung quân” được thay thế bằng lòng yêu nước. Đây là sự cách tân tư tưởng lớn nhất, mạnh mẽ nhất, toàn diện nhất và là tiền đề cho ý chí, tư tưởng và hành động cách mạng giai đoạn sau này.

### 3.3.2. Sự hy sinh vì quốc gia, dân tộc - hình tượng của người chiến sĩ Nho học

Các cuộc khởi nghĩa Cần vương ở Thanh Hóa (giai đoạn 1885 - 1895), tuy chưa giành được thắng lợi cuối cùng, nhưng phong trào đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng, tinh thần yêu nước, xả thân vì tự do, vì độc lập dân tộc. Giá trị cao đẹp phong trào nghĩa Cần vương trước hết thể hiện ở sự dũng cảm hy sinh - đại diện là các vị lãnh tụ khởi nghĩa. Sự hy sinh đó diễn ra theo nhiều cách khác nhau: Người hy sinh trong chiến đấu (Nguyễn Phương, Lê Khắc Tháo, Võ Kim Huy); người bị giặc bắt và giết (Tống Duy Tân, Lê Trí Trực, Nguyễn Huy Cửu, Nguyễn Huy Võ); người vì hoàn cảnh buộc phải đầu hàng rồi sau đó không chịu hợp tác với giặc mà quyên sinh để giữ trọn khí tiết (Phạm Bành, Nguyễn Xuân, Lê Ngọc Toản),... Sự hy sinh tuy khác nhau về hình thức, nhưng tựu chung lại đó lại sự hy sinh vì quốc gia, vì dân tộc. Qua những sự hy sinh đó, chúng ta có thể phác họa chân dung của kẻ sĩ xuất thân khoa bảng trong phong trào Cần vương chống thực dân Pháp ở Thanh Hóa (giai đoạn cuối thế kỷ XIX), như sau:

Trước hết, họ là những nhà tri thức, quan lại đại diện cho chính quyền cai trị phong kiến, nhưng bản thân họ lại mang trong mình dòng máu, tư tưởng cách tân thời đại, đó là cái “tôi Tổ quốc” của kẻ sĩ - người công dân có trách nhiệm với sự hưng vong của dân tộc. Họ coi nhẹ sự hy sinh, xả thân vì mục tiêu giải phóng dân tộc, lấy sự hy sinh bản thân làm động lực cho đấu tranh, đặt lợi ích nhân dân, lợi ích dân tộc làm mục tiêu trên hết. Sự hy sinh của họ đã tạo nên một hình tượng bất diệt:

Chính khí hiên ngang như núi Nùng Lĩnh  
 Uy linh hiển hiện khác gì thần tiên  
 Ông không chống được pháo của Tây  
 Ta cũng không tha thuyền quân Pháp  
 Thề không cùng sống anh và tôi  
 Luận anh hùng thành bại, chỉ cần lòng trung [2, tr.47]

Hay trong bài thơ *Khóc Tham biện sơn hải phòng sứ Thanh Hóa Nguyễn Phương chết vì nghĩa*, Nguyễn Xuân Ôn - Thủ lĩnh phong trào Cần vương tỉnh Nghệ An đã viết:



Áo xiêm đội lấy đồ binh phục  
 Tôi nón thê chung nghĩa trạch bào  
 Muôn đội hùm beo đều tan tác  
 Một vùng xe ngựa lại lao xao  
 Mất, còn, thua, được tầm thường cả  
 Danh tiết muôn đời sánh núi cao [3, tr.101]

Một hình tượng mới về người chiến sĩ trong hình hài kẻ Nho sĩ truyền thống đã hình thành: Hình tượng này tuy không làm nên chiến thắng vẻ vang, lẫy lừng nhưng hình tượng về người Nho sĩ cách mạng, người chiến sĩ cách mạng đã hình thành. Đương thời, các vị nhân sĩ trí thức yêu nước đã đúc kết và khen tặng cho họ bằng câu đối viếng:

Sống không sống thừa, sống làm nên khoa danh, sống không thừa  
 Chết mà không chết, chết vì nước, chết không hết.

Xét trong lịch sử, các bậc trung quân ái quốc đời xưa, lấy việc được lưu danh sử sách làm mục đích hành đạo. Lấy việc được phong tặng quan tước, bổng lộc, đất đai làm vinh hiển ở đời. Nay, sự hy sinh của kẻ sĩ - chiến sĩ Nho học trong phong trào Cần vương, không phải vì danh vọng, địa vị, tiền tài. Sự hy sinh của họ chỉ vì một mục đích duy nhất, đó là đánh đuổi ngoại xâm, xây dựng nền độc lập dân tộc.

Như vậy, hình tượng của người chiến sĩ Nho học trong giai đoạn này thể hiện rõ nét qua hai đặc điểm chính là phương thức đấu tranh và mục đích đấu tranh.

#### 4. KẾT LUẬN

Phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân tỉnh Thanh Hóa, dưới sự lãnh đạo của các nhà Nho xuất thân khoa bảng, diễn ra vô cùng quyết liệt, đã trở thành điển hình tiêu biểu cho phong trào Cần vương trong cả nước. Phong trào Cần vương Thanh Hóa, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ về tư tưởng và phương pháp tiếp cận. Là câu nói cho giai đoạn đấu tranh nửa phong kiến cuối thế kỷ XIX, với phong trào đấu tranh vũ trang cũng như chiến tranh nhân dân thời kỳ sau này. Bằng tinh thần chiến đấu ngoan cường và sự hy sinh anh dũng, các chiến sĩ trong phong trào Cần vương là những tấm gương sáng cho chủ nghĩa anh hùng, cho sự hy sinh, vì nền độc lập - tự do của dân tộc. Tư tưởng duy tân cấp tiến của họ, là tiền đề đột phá cho những cách tân về tư tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc sau này.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2006), *Danh nhân Thanh Hóa*, tập 2, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [2] Chu Thiên, Đặng Huy Vận, Bình Khôi Nguyễn (1976), *Hợp tuyển thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (1858 - 1900)*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đức Vân (1977), *Thơ văn Nguyễn Xuân Ôn*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [4] Nhiều tác giả (2010), *Những chiến sĩ cách mạng trung kiên tỉnh Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [5] Nina S.ADAMS (1979), *The Meaning of Pacification: Thanh Hoa Under French Rule, 1885-1908* (Kết quả bình định Thanh Hóa dưới chế độ thực dân Pháp, 1885-1908 ( (Bản tiếng Anh, số thư mục CTNN-388 lưu tại Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), <https://sps.ussh.vnu.edu.vn/vi/thong-tin-tu-lieu/thu-vien/danh-muc-sach-thu-vien-khoa-khoa-hoc-chinh-tri>).

- [6] Phan Chu Trinh (2015), *Hồi ký phong trào dân biến ở Trung Kỳ (đầu thế kỷ XX)*, Nxb. Hồng Đức, TP. HCM.
- [7] Trần Văn Thịnh (Chủ biên), Trịnh Mạnh, Lê Bá Chúc, Nguyễn Thế Long, Vũ Ngọc Định (2019), *Danh sĩ Thanh Hóa với việc học và khoa cử thời xưa*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [8] Vũ Quý Thu (2007), *Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Thanh Hóa, từ năm 1885 - 1895*, Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.

## ON THE IDEOLOGICAL RENEWAL OF CONFUCIAN SCHOLARS IN THANH HOA PROVINCE IN THE CAN VUONG ANTI-FRENCH RESISTANCE MOVEMENT

Vu Ngoc Dinh

### ABSTRACT

*In response to King Ham Nghi's anti-French proclamation, after 10 years of armed struggle (1885-1895), the Can Vuong uprisings led by Confucian scholars in Thanh Hoa province all ended in failure. However, upon reevaluation of these uprisings, it becomes clear that they were the starting point for an ideology with a modernizing tendency. This ideology emphasized patriotism, solidarity with the people, sacrifice for the nation and country, and a shift from political struggle to armed resistance, among other issues. This represents a significant transformation in the thoughts and actions of contemporary patriotic Confucian scholars.*

**Keywords:** Thanh Hoa, Can Vuong, Confucian scholars, scholar ideology.

\* Ngày nộp bài: 05/3/2024; Ngày gửi phản biện: 10/3/2024; Ngày duyệt đăng: 25/4/2024